

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số:172/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 - 2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;

2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên .

-Thư ký phiên tòa: ông Phan Công Trện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* **Hồ Thị S**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2.*Bị đơn:* **Trần Hoàng L**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Hồ Thị S (sau đây gọi chị S) trình bày: giữa chị và bị đơn Trần Hoàng L (sau đây gọi anh L) qua mai mối mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2014 vợ chồng dù sống chung nhưng tiền của ai thì người đó sử dụng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L không tin tưởng chị, nghi ngờ chị có tình cảm với người

đàn ông khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh L.

-Về con chung: có hai người con chung tên Trần Thị Thanh Tr (nữ), sinh năm 1998, đã trưởng thành và cháu Trần Thị Thanh H (nữ), sinh ngày 13.02.2006. Từ khi ly thân đến nay cháu H sống với chị S, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng anh L lời trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị S về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng không có mâu thuẫn gì trầm trọng mà vợ chồng chỉ cãi vã nhau. Do còn thương vợ nên anh chưa đồng ý ly hôn. Giả sử phải ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10.4.2018, cháu Trần Thị Thanh H trình bày (có sự chứng kiến của chị S): khi cha, mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, các bên không tranh chấp nên đề nghị tiếp tục giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị S và anh L qua sự giới thiệu của người thân, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang vào ngày 05 tháng 6 năm 1999, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa chị và anh L có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau nhưng không có biện pháp khắc phục và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụ, anh L chưa đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để đoàn tụ, trong khi thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị S xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[4] Về con chung: có một người con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Trần Thị Thanh H (nữ), sinh ngày 13.02.2006. Các bên không tranh chấp về quyền nuôi con chung, chị S có yêu cầu nuôi cháu H, anh L cũng đồng ý giao cháu H cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề này phù hợp với nguyện vọng cháu H nên cần được ghi nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị S chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

[7] Về án phí: chị S phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hồ Thị S và anh Trần Hoàng L.

2. Về nuôi con chung: ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: chị Hồ Thị S được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Thanh H (nữ), sinh ngày 13 tháng 02 năm 2006 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi chị S, anh L có yêu cầu khác. Anh Trần Hoàng L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục các con chung cho anh L mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Hồ Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013060, ngày 16.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- UBND xã Thạnh Hòa, h. Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm